

PHỤ LỤC VII: BIỂU TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀO QL.37 ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú	
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao					
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao			
1	Đường lên đèo Lũng Lô Cũ	5,5	BT nhựa		Km357+740	Ngã 3 cùng mức	x				x		20		Huyện Phù Yên
2	Trại giam Yên Hạ	15	BTXM	Km359+480		Ngã 3 cùng mức			x			x	17		
3	Đi đèo lũng lô cũ	4	BT nhựa		Km361+525	Ngã 3 cùng mức	x				x		14		
4	Đi Yên Bái			Km361+600		Ngã 3 cùng mức									
5	Đi bản Cỏi+NVH bản Cỏi	3	BTXM		Km362+950	Ngã 3 cùng mức			x	x			5		Thị tứ Mường Cỏi
6	Đi khu dân cư	2,5	BTXM		Km364+670	Ngã 3 cùng mức	x				x		10		
	Đi QL.32B	5,5	BT nhựa	Km364+750		Ngã 3 cùng mức	x					x	20		
7	Cây xăng 226 Mường Cỏi	30	BTXM	Km364+928		Ngã 3 cùng mức			x			x	17		
8	Đường vào bản	3	Đất		Km367+195	Ngã 3 cùng mức									Huyện Phù Yên
9	Trường tiểu học Mường Cỏi	7	BTXM		Km368+289	Ngã 3 cùng mức	x				x		5		
10	Đi Khu dân cư bản Băn	3	BTXM		Km369+290	Ngã 3 cùng mức	x				x		10		
11	Đi Khu dân cư bản Băn	2,5	BTXM	Km370+170		Ngã 3 cùng mức	x				x		10		
12	Đi Khu dân cư thôn Phúc Yên	3,5	BTXM		Km370+709	Ngã 3 cùng mức				x	x		6		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú
		B mặt (m)	KCMBĐ	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại							
							Tầm nhìn tại nút giao							
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao		
13	Đi Mường Thái	2,5	BT nhựa		Km372+660	Ngã 3 cùng mức	x				x	10		Huyện Phù Yên
14	Cây xăng Toàn Đạt	20	BTXM	Km372+680		Ngã 3 cùng mức				x		17	Chủ trương đầu tư Quyết số 685/QĐ-UBND ngày 03/4/2020	
15	Đường huyện Huy Thượng			Km375+840		Ngã 3 cùng mức								
16	Cây xăng Hoàng Gia	25	BTXM		Km375+900	Ngã 3 cùng mức		x			x	17		
17	Đường vào nội thị Phù yên	5,5	BT nhựa	Km378+420		Ngã 3 cùng mức	x				x	30		
18	Đi Khu dân cư bán Tường Quang	3,2	BTXM		Km378+695	Ngã 3 cùng mức				x		6	QĐ số 2866/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Sơn La	Thị trấn Phù Yên
19	Đi Khu dân cư tiểu khu 8	3,5	BTXM		Km378+765	Ngã 3 cùng mức				x		6	QĐ số 2866/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Sơn La	
20	Phố Tạ Xuân Thu	7	BT nhựa	Km379+033		Ngã 3 cùng mức				x		15		
21	Bến xe Phù Yên (sát đường)	8			Km379+165	Ngã 3 cùng mức				x				
22	Đường vào khu nhà nghỉ Anh Anh	4	BTXM		Km379+235	Ngã 3 cùng mức				x		6	QĐ số 2866/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Sơn La	
23	Cửa hàng xăng dầu số 10 Phù Yên	30	BTXM		Km379+345	Ngã 3 cùng mức				x		17		
24	Đi bán mo	7	BTXM	Km379+345		Ngã 3 cùng mức					x	15		
25	Đi Khu dân cư	2,5	BTXM	Km379+566		Ngã 3 cùng mức				x		5		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú	
		B mặt (m)	KCMB	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao					
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao			
26	Phố Phan Đình Giót	3,5	BT nhựa	Km379+738		Ngã 3 cùng mức			x	x			6	QĐ số 2866/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Sơn La	
27	Đường Xuân Diệu	5	BT nhựa	Km379+822		Ngã 3 cùng mức			x	x			9	QĐ số 2866/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Sơn La	
28	Đi tiểu khu 6	3,5	BTXM	Km380+050		Ngã 3 cùng mức			x	x			6		
29	Đi Khu dân cư Noong Cốp	5,5	BT nhựa		Km380+080	Ngã 3 cùng mức			x	x			10		
30	Đi Khu dân cư Đình Văn Ti	5,5	BT nhựa	Km380+089		Ngã 3 cùng mức			x	x			10		
31	Phố Hoa Ban	6	BT nhựa		Km380+273	Ngã 3 cùng mức			x		x		14		
32	Điện lực huyện Phù Yên+ phố Nguyễn công tử	3	BTXM	Km380+300											
33	Đi tiểu khu 2	4	BT nhựa		Km380+354	Ngã 3 cùng mức			x		x		8		
34	Đi UBND huyện	10	BT nhựa		Km380+436	Ngã 3 cùng mức			x		x		15		
35	Phố Nguyễn Công Trứ	5	BT nhựa	Km380+532		Ngã 3 cùng mức			x		x		8		
36	Phố Tô Vĩnh Diện	5	BT nhựa		Km380+590	Ngã 3 cùng mức		x			x		7		
37	Đi Khu dân cư khối 8	6	BT nhựa	Km380+625		Ngã 3 cùng mức	x				x		20		
38	Đi Khu dân cư (ĐT.114)	7,5	BT asphalt	Km381+438					x		x		6		
39	Đi Khu dân cư	10	BT asphalt		Km381+438	Ngã 4 cùng mức			x		x		17		
Thị trấn Phù Yên															

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú
		B mặt (m)	KCMB	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại							
							Tầm nhìn tại nút giao							
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao		
40	Khu dịch vụ KS Hải Anh				Km381+442	Ngã 3 cùng mức							CV số 4063/BGTVT-KCHT ngày 28/4/2020 của Bộ GTVT	Thị trấn Phù Yên
41	Kho bạc nhà nước	6	BTXM		Km381+500	Ngã 3 cùng mức			x		x	5	CV số 14690/BGTVT-KCHT ngày 28/12/2017 của Bộ GTVT	
42	Cây xăng số 1	21	BTXM		Km381+665	Ngã 3 cùng mức			x		x	17		
43	Đi Khu dân cư mới xã Huy Bắc	5	BTXM		Km381+735	Ngã 3 cùng mức		x			x	30	QĐ số 1550/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND huyện Phù Yên	
44	Đi Khu dân cư	6	BT nhựa	Km381+885		Ngã 3 cùng mức			x		x	12		Huyện Phù Yên
45	Cây xăng 228	35	BT nhựa	Km382+200		Ngã 3 cùng mức		x			x	17		
46	Khu dân cư mới Huy Hạ				Km382+790	Ngã 3 cùng mức							QĐ số 2073/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND huyện Phù Yên	
47	Đường tỉnh 114	3,5	BT nhựa	Km382+938		Ngã 3 cùng mức			x		x	10		
48	Đi bản Đồng Lương	2,5	BTXM		Km384+087	Ngã 3 cùng mức	x			x		10		Sơn La
49	Đi bản Bó	2,5	BTXM	Km384+422		Ngã 3 cùng mức			x	x		5		
50	Đi bản đóng	2,5	BTXM	Km387+107		Ngã 3 cùng mức	x			x		12		
51	Cửa hàng xăng dầu Tường Phù				Km388+015								QĐ số 2695/QĐ UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh	
52	Đi bản Bùa Chung	3,25	BTXM	Km388+540		Ngã 3 cùng mức	x			x		15		
53	Đi Khu dân cư Mùa Thượng	3	BTXM		Km389+480	Ngã 3 cùng mức		x			x	6		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú	
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao					
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao			
54	Đi Khu dân cư Nà Mạc	4	BTXM		Km390+490	Ngã 3 cùng mức			x	x		6		Thị tứ Gia Phú	
55	Cây xăng Liên Hương	32	BTXM	Km391+400		Ngã 3 cùng mức			x		x	17			
	Giao QL.43 (ngã ba Gia Phú)	7	BT nhựa	Km391+800		Ngã 3 cùng mức	x				x	25			
56	Đi Khu dân cư bản tạo	2,5	BTXM		Km392+280	Ngã 3 cùng mức		x		x		5			
57	Đi Khu dân cư bản tạo	3,5	BTXM	Km392+500		Ngã 3 cùng mức	x					9			
58	Đi Khu dân cư bản Vi	3,5	BTXM	Km393+555		Ngã 3 cùng mức	x			x		12		Huyện Phù Yên	
59	Đi Khu dân cư bản Nhọt	3	BTXM	Km396+395		Ngã 3 cùng mức	x			x		4			
60	Đi Khu dân cư bản Nhọt	3,5	BTXM		Km396+980	Ngã 3 cùng mức	x			x		4			
61	Khu bảo tồn bảo vệ rừng, Đền thờ Đại Tướng Võ Nguyên Giáp	40	BTXM		Km398+092	Ngã 3 cùng mức	x			x	x		CV số 3271/BGTVT-KCHT ngày 14/4/2021 của Bộ GTVT	Huyện Bắc Yên	
62	Đi bản suối bâu	3,5	Láng nhựa	Km400+135		Ngã 4 cùng mức			x		x	9			
63	Đi bản suối Tọ	3	BTXM		Km400+135				x		x	9			
64	Đường vào nhà máy thủy điện Suối Sập 2	7	Cấp phối		Km403+676	Ngã 3 cùng mức			x		x	10			
65	Trạm nghiên sàng đá+ Trạm biến Áp nhà máy thủy điện Suối Sập 2A	5	Cấp phối	Km404+135		Ngã 3 cùng mức			x		x	10	CV số 3700/BGTVT-KCHT ngày 22/4/2019 của Bộ GTVT	Huyện Bắc Yên	
66	Đường đi lên bản mông	3	Đất		Km405+315	Ngã 3 cùng mức			x	x		5			
67	Bản Kang, Bản Tung, thủy điện Suối Sập 2	4,5	BTXM	Km406+000		Ngã 3 cùng mức			x	x		5			

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
		B mặt (m)	KCMBĐ	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
							Tầm nhìn tại nút giao																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
68	Đi khu dân cư	3	3		Km409+005																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú	
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao					
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao			
83	NHNN và khu dân cư	10	BT nhựa		Km413+1090	Ngã 3 cùng mức			x	x		5		Thị trấn Bắc Yên	
84	Đường tỉnh 112	7,5	Láng nhựa		Km413+1130	Ngã 3 cùng mức	x				x	17			
85	Đường vành đai - Đường 20/10 (trùng với DA đường nội thị TT Bắc Yên)	5,5	BT nhựa	Km414+080		Ngã 3 cùng mức	x				x	25	Nghị quyết số 62/NQ-HDND ngày 30/12/2021 của HĐND tỉnh		
86	Cây xăng Tuấn Trung	35	BTXM		Km414+160	Ngã 3 cùng mức		x		x		17			
87	Đường vào xã Hồng Ngải	3,5	Láng nhựa	Km414+260		Ngã 3 cùng mức	x				x	15			
88	Đường Dốc bệnh viện cũ	5,5	BTXM		Km414+550	Ngã 3 cùng mức			x	x		3		Huyện Bắc Yên	
89	Đi Khu dân cư	2,5	BTXM		Km415+120	Ngã 3 cùng mức			x	x		2,5			
90	Đi Khu dân cư	2,5	BTXM	Km415+600		Ngã 3 cùng mức	x				x	10			
91	ĐT.111 (QL 37 - 279D)	3,5	BTXM		Km416+970	Ngã 3 cùng mức			x		x	17			
92	Cửa hàng xăng dầu bản Cao Đa 1	30	BTXM	Km417+138		Ngã 3 cùng mức			x		x	17	CV số 3159/BGTVT-KCHT ngày 12/04/2021 của Bộ GTVT		
93	Đường vào bản Suối Cao (Đường từ QL37 đến bản Cao Đa 2)	3	BTXM		Km419+100	Ngã 3 cùng mức	x				x	5		Huyện Bắc Yên	
94	Đường đi bản Suối Quốc (Quy hoạch dự án đường BTXM)		BTXM		Km421+303	Ngã 3 cùng mức							Số 123/NQ-HDND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh Sơn La		
95	Đường vào Bản Song Pe và trường mầm non	3	BTXM	Km422+700		Ngã 3 cùng mức			x	x		2			
96	Đi Khu dân cư	3	BTXM		Km422+870	Ngã 3 cùng mức		x		x		3			

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại							
							Tầm nhìn tại nút giao							
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao		
97	Cây xăng Yên Trường	30	BTXM	Km423+700		Ngã 3 cùng mức			x		x	17	CV số 2490/UBND-KT ngày 9/8/2016 của UBND tỉnh Sơn La	Huyện Bắc Yên
98	Đường xuống bến dò Tạ Khoa	5,5	BTXM	Km425+180		Ngã 3 cùng mức			x		x	10		
99	Đi bản Suối Song (QL.37- Bản Suối Song)	3	Đất		Km425+490	Ngã 3 cùng mức	x				x	5		
100	Đi bản Tà Đò	2,5	BTXM	Km426+190		Ngã 3 cùng mức			x	x		4		
101	Đường vào điểm TĐC Pưá Lương	3	BTXM	Km428+950		Ngã 3 cùng mức							UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch tại QĐ số 3206/QĐ-UBND ngày 31/12/2012	
102	Đi nhà kho khu mỏ NiKen	3	Đất		Km431+450	Ngã 3 cùng mức	x				x	5		
103	Mỏ Niken Bán Phúc (Văn phòng)	5	Cấp phối		Km432+920	Ngã 3 cùng mức			x		x	10		
104	Đi xã Tạ Khoa (Mường Khoa - Tạ Khoa)	3,5	Láng nhựa	Km433+472		Ngã 3 cùng mức	x				x	17		
105	Bán Khoa	5,5	BTXM		Km434+750	Ngã 3 cùng mức			x	x		7		
106	Mỏ Niken Bán Phúc	7	Cấp phối	Km435+660		Ngã 3 cùng mức			x		x	10		
107	Xăng dầu Bán Phúc (Đậu Thắm)	30	BTXM	Km435+900		Ngã 3 cùng mức			x		x	17		
108	Đường vào bản Pót	3	BTXM	Km437+380		Ngã 3 cùng mức			x		x	5		
109	Đường vào bản Phúc	2,5	BTXM		Km437+960	Ngã 3 cùng mức	x			x		4		
110	Đường vào bản Chẹn	3,5	BTXM		Km441+790	Ngã 3 cùng mức	x				x	5		
111	Đi khu dân cư	2,5	BTXM	Km442+140		Ngã 3 cùng mức			x	x		3		
112	Vào bản Nà Thén	2,5	BTXM		Km443+290	Ngã 3 cùng mức			x	x		4		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú	
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao					
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao			
113	Bản Pá Lô	3	Đất		Km445+820	Ngã 3 cùng mức	x					x	5		Huyện Bắc Yên
114	Đường vào bản Suối Chẹn	2,5	BTXM	Km447+410		Ngã 3 cùng mức	x					x	5		
115	Đường vào bản Chẹn	2,5	BTXM		Km449+200	Ngã 3 cùng mức	x			x			3		
116	Đường vào bản Kéo Pó A	3,5	Láng nhựa		Km451+385	Ngã 3 cùng mức			x	x			3		
117	Đường vào UBND xã Hua Nhàn (QL.37 - Hua Nhàn - Tạ Khoa)	3,5	Láng nhựa	Km451+430		Ngã 3 cùng mức			x			x	17		
118	Đi bản Púng Khoai	3	BTXM	Km453+495		Ngã 3 cùng mức			x			x	5		Huyện Mai Sơn
119	Đi QL.37 cũ	5,5	Láng nhựa		Km454+270	Ngã 3 cùng mức	x					x	17		
120	Đường vào Bản Xóm Mới	2,5	Đất	Km454+790		Ngã 3 cùng mức			x			x	2		
121	Đường đi Tân Thảo	3,5	Láng nhựa		Km456+430	Ngã 3 cùng mức	x					x	12		
122	Cửa hàng xăng dầu 230	30	BTXM	Km457+400		Ngã 3 cùng mức			x			x	17	Số 14710/BGTVT-KCHT ngày 28/12/2017	
123	Đường đi Nà Bó (Nà Bó - Cò Nòi)	3,5	Láng nhựa		Km458+610	Ngã 3 cùng mức	x					x	17		Huyện Mai Sơn
124	Khu tưởng niệm liệt sỹ thanh niên xung phong	4,5	BTXM		Km464+005	Ngã 3 cùng mức	x					x	5		
Đoạn trùng QL.6															
	Đi Kim Trung (QL.6C)	5,5	Láng nhựa	Km467+746		Ngã 4 cùng mức	x					x	15		Huyện Bắc Yên
	Đi Hắt Lót (QL.6C)	5,5	Láng nhựa		Km467+746				x				x	8	
125	Đi khu dân cư	3	Cấp phối		Km469+580	Ngã 3 cùng mức	x			x			11		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú	
		B mặt (m)	KCMB	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại								
							Tâm nhìn tại nút giao			Bán kính nút giao					
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng		Che khuất	Thông thoáng			
126	Đi khu dân cư	3	Cấp phối	Km470+628		Ngã 3 cùng mức			x			x	6		Huyện Mai Sơn
127	Đường Bán Mặt - Bán In	3	BTXM		Km470+945	x	Ngã 3 cùng mức			x		12			
128	Đi khu dân cư	3	Cấp phối	Km472+550			Ngã 3 cùng mức		x	x		6			
129	Đường liên bản QL.37 (bản Mỏm) - bản Thẩm Phẳng - Bản Búa Bon	3	Cấp phối		Km474+100	x	Ngã 3 cùng mức			x		6			
130	Đi bản Chi	3	Láng nhựa	Km474+400			Ngã 3 cùng mức		x			10	CV số 2623/UBND-KTHT ngày 20/10/2022 của UBND huyện Mai Sơn		
131	Cây xăng 229	30	BTXM	Km475+400		x	Ngã 3 cùng mức			x		17			
132	Hát Lót - Chiềng Lương	3	Đất		Km478+000	x	Ngã 3 cùng mức			x		11			
133	Đi khu dân cư	3	BTXM		Km482+980	x	Ngã 3 cùng mức			x		10			
134	Cây xăng Phiêng Pàn	25	BTXM		Km485+732	x	Ngã 3 cùng mức				x	17	CV số 213/BGTVT-KCHT ngày 11/01/2021 của Bộ GTVT		
135	Đường đi bản Kết Hay	3	Đất		Km486+740		Ngã 3 cùng mức		x	x		6			
136	Đi Phiêng Hầy	3	Đất	Km486+900		x	Ngã 3 cùng mức			x		12			
137	Đi khu dân cư	3	Đất		Km489+150	x	Ngã 3 cùng mức			x		12			
138	Đi khu dân cư	3	BTXM		Km490+220		Ngã 3 cùng mức	x		x		6			
	Điểm cuối QL.37 đầu vào QL.4G, đi Sông Mã	5,5	BT nhựa	Km498+988			Ngã 3 cùng mức					x	30		
	Điểm cuối QL.37 đầu vào QL.4G, đi Sơn La	5,5	BT nhựa		Km498+988							x	30		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao			Văn bản chủ trương/chấp thuận	Phạm vi
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng		
12	Đường vào khu dân cư Bàn Co Pục xã Tường Tiến	2,5	BTXM		Km10+105	Ngã 3 cùng mức	X			X	4			
13	Đường Tường Tiến-Kim Bon	3,5	Láng nhựa		Km13+108	Ngã 3 cùng mức	X				17	X		
14	Đường xuống bến đò Bàn Pa xã Tường Tiến	2,5	Đường đất	Km14+030		Ngã 3 cùng mức			X	X	4			
15	Đường vào trường Mầm non xã Tường Phong + NVH bán Vọng	3	BTXM		Km17+150	Ngã 3 cùng mức			X		5	X		
16	Cửa hàng xăng dầu Vạn Yên	4	BTXM	Km23+800		Ngã 3 cùng mức	X				17	X	CV Số 8316/BGTVT-KCHT ngày 12/8/2021 của Bộ GTVT	
17	Đường vào Trường tiểu học, Mầm non xã Tân Phong	2,5	BTXM		Km24+390	Ngã 3 cùng mức	X				7	X		
18	Đường vào chợ Vạn Yên	3	BTXM	Km24+840		Ngã 3 cùng mức			x		6	X		
19	Ngã ba giao với điểm đầu tuyến đường huyện Vạn Yên-Bắc Phong-Đã Đỏ	3,5	Láng nhựa		Km26+760	Ngã 3 cùng mức		X			17	X		
Bến phà Vạn Yên														
20	Đường đất vào khu dân cư	4	Đường đất	Km28+446		Ngã 3 cùng mức			X			X		
21	Đường đất vào khu dân cư	4	Đường đất		Km28+626	Ngã 3 cùng mức			X			X		
22	Đường vào Đường Bán Suối Mát	3,5	BTXM	Km30+985		Ngã 3 cùng mức			X			X		
23	Đường vào trường Chiềng Khoang			Km32+085		Ngã 3 cùng mức			X			X		
24	Đường vào khu dân cư	3,5	Đường đất		Km35+720	Ngã 3 cùng mức			X		8	X		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ					Văn bản chủ trương/chấp thuận	Phạm vi	
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao				
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Tên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao			Thông thoáng
25	Đường đi bản Sắn Nặm	4	BTXM	Km38+345		Ngã 3 cùng mức			X			X		Huyện Mộc Châu
26	Đường vào CHXD xã Nà Mường				Km39+600	Ngã 3 cùng mức								
27	Đường vào bản Suối Mỡ	3,5	Đường đất		Km40+800	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
28	Đường vào UBND xã Quý Hương	7	Làng nhựa	Km41+790		Ngã 3 cùng mức	X				8	X		
29	Đường vào khu dân cư	2,5	Đường đất		Km42+150	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
30	Đường vào CHXD Loan Trọng Mộc Châu	12	BTXM	Km43+790		Ngã 3 cùng mức			X			X		
31	Đường vào UBND xã Tà Lại	7	Làng nhựa		Km44+347	Ngã 3 cùng mức	X				10	X		
32	Đường vào Bản Nà Mường 1	3,5	BTXM	Km45+630		Ngã 3 cùng mức			X			X		
33	Đường vào Bản Nà Mường	3,5	BTXM		Km46+597	Ngã 3 cùng mức			X			X		
34	Đường vào khu sản xuất	4	Đất	Km48+325		Ngã 3 cùng mức			X			X		
35	Đường vào bản Nà Pó 2	3,5	BTXM		Km49+452	Ngã 3 cùng mức			X			X		
36	Đường vào bản Nà Pó 1	3,5	BTXM		Km51+186	Ngã 3 cùng mức			X			X		
37	Đường vào bản Chiềng Cang	3,5	BTXM	Km52+481		Ngã 3 cùng mức			X			X		
38	Đường vào CHXD xã Hua Păng			Km53+490		Ngã 3 cùng mức								
39	Đường vào bản Suối Đôn	3,5	BTXM		Km52+495	Ngã 3 cùng mức			X			X		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Phạm vi	
		B mặt (m)	KCMB	Trái	Phải	Hình thức giao cắt	Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao				
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao			Thông thoáng
40	Đường vào bản Suối Đón	3,5	BTXM	Km54+785		Ngã 3 cùng mức			X			X	Huyện Mộc Châu	
41	Đường vào bản KM16	3,5	BTXM	Km56+380		Ngã 3 cùng mức			X			X		
42	Đường vào UBND xã Chiềng Khoa (ĐT. 101)	6	Láng nhựa	Km62+795		Ngã 3 cùng mức	X				8	X		
43	Đường vào khu sản xuất	3,5	Đất		Km63+580	Ngã 3 cùng mức			X			X		
44	Đường vào bản Suối Khem	3,5	BTXM	Km66+261		Ngã 3 cùng mức			X			X		
45	Đường vào bản Km5	4	BTXM		Km67+111	Ngã 3 cùng mức			X			X		
46	Đường vào khu biệt thự núi 2.7			Km68+205		Ngã 3 cùng mức			X			X		Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La
47	Đường vào Bản 83	3,5	BTXM		Km68+685	Ngã 3 cùng mức			X			X		
48	Đường vào Cửa hàng xăng dầu số 3 Phiêng Luông	20	BTXM		Km69+748	Ngã 3 cùng mức			X			X		Tổng cục ĐBVN báo cáo tại văn bản số 6044/TCĐBVN-ATGT ngày 27/9/2017
49	Đường Hòa Bình - Mộc Châu (QH đường Cao tốc HB-MC			Km69+800		Ngã 3 cùng mức			X			X		Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 10/5/2022
50	Đường tỉnh 101 đi UBND huyện Vân Hồ	7	Láng nhựa	Km72+180		Ngã 3 cùng mức	X				6	X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	
51	Đường vào khu dân cư hiện trạng cải tạo ven QL.43 6.4				Km72+369	Ngã 3 cùng mức			X			X		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Phạm vi		
		B mặt (m)	KCMB	Trái	Phải	Hình thức giao cắt	Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao					
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bản kinh nút giao			Thông thoáng	
52	Đường vào vào khu dân cư dịch vụ du lịch 3.2			Km73+248		Ngã 3 cùng mức			X				X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Huyện Mộc Châu
53	Đường vào khu đô thị đồi chè 1.1				Km73+540	Ngã 3 cùng mức			X				X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	
54	Đường vào tiểu khu 89	3,0	BTXM	Km74+451		Ngã 3 cùng mức			X				X		
55	Đường vào khu dân cư hiện trạng, đồi chè			Km74+542	Km74+542	Ngã 4 cùng mức			X				X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 2031/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La	
56	Đường vào tiểu khu chè đen 2,	3,0	BTXM		Km76+012	Ngã 3 cùng mức			X				X		Phạm vi nội thị trấn Nông Trường Mộc Châu
57	Đường vào CHXD Km69	10,0	BTXM	Km76+142		Ngã 3 cùng mức			X				X		
58	Đường vào tiểu khu chè đen 2,	3,0	BTXM	Km76+390		Ngã 3 cùng mức			X				X		
59	Đường vào tiểu khu chè đen 2,	3,5	BTXM		Km76+426	Ngã 3 cùng mức			X				X	Đường quy hoạch vào khu dân cư hiện trạng, đồi chè, trại bò được quy hoạch theo quyết định 2031/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La, sử dụng chung điểm đầu nối với đường hiện trạng vào tiểu khu chè đen 2	
60	Đường vào khu dân cư hiện trạng, đồi chè, trại bò				Km76+431	Ngã 3 cùng mức			X				X		Phạm vi nội thị trấn Nông Trường Mộc Châu
61	Đường vào công ty chè	6,0	Láng nhựa		Km76+511	Ngã 3 cùng mức			X				X		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Vị trí đầu nối tại				Tầm nhìn tại nút giao			Văn bản chủ trương/chấp thuận	Phạm vi
		B mặt (m)	KCMB	Trái	Phải		Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng			
62	Đường vào khu du lịch đồi chè	4,0	Láng nhựa	Km76+604		Ngã 3 cùng mức			X			X		Phạm vi nội thị trấn Nông Trường Mộc Châu	
63	Đầu nối vào nhà văn hóa TK Chè Đen 1, chợ văn hóa Tây Bắc			Km76+711	Km76+711	Ngã 4 cùng mức			X			X	Đường quy hoạch rẽ phải vào nhà văn hóa TK Chè Đen 1, chợ văn hóa Tây Bắc được quy hoạch theo quyết định 2031/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La sử dụng chung điểm đầu nối với đường hiện trạng vào tiểu khu chè đen 1 (Vị trí theo Quyết định số 2194)		
64	Đường vào tiểu khu chè đen 1	3,0	BTXM		Km76+716	Ngã 3 cùng mức			X			X			
65	Đường vào khu dân cư hiện trạng tiểu khu chè đen 1				Km76+903	Ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 2031/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La		
66	Đường vào khu đất đồi chè			Km77+073		Ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 2031/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La		
67	Đường vào xóm tiền phong	4	BTXM		Km77+097	Ngã 3 cùng mức			X			X			
68	Đường vào xóm TK 19-8	3,5	BTXM		Km77+261	Ngã 3 cùng mức			X			X			
69	Đường vào khu dân cư Đài Bay	5,0	Láng nhựa	Km77+432		Ngã 3 cùng mức			X			X			
70	Đường vào xóm 8 TK 19-8	4,0	BTXM		Km77+469	Ngã 3 cùng mức			X			X			
71	Đường vào công ty CP giống bò sữa Mộc Châu	4,5	BTXM		Km77+571	Ngã 3 cùng mức			X			X			
72	Đường vào nhà máy sữa Mộc Châu	8,0	BTXM	Km77+616		Ngã 3 cùng mức			X			X			

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ							Văn bản chủ trương/chấp thuận	Phạm vi	
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải	Hình thức giao cắt	Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao					
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng			
73	Đường vào TK khi tương	3,5	BTXM	Km77+728		Ngã 3 cùng mức			X				X		
74	Đường tỉnh 104	5,5	Láng nhựa		Km77+847	Ngã 3 cùng mức			X		10		X		
75	Đường vào TK khi tương	3,0	BTXM	Km77+1018		Ngã 3 cùng mức			X				X		
76	Đường Lò Văn Gia	7,0	Láng nhựa	Km78+090		Ngã 3 cùng mức			X				X		
77	Đường Kim liên Kéo dài				Km78+150	Ngã 3 cùng mức			X				X	Đường định hướng theo quy hoạch chung đô thị Mộc Châu theo quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND tỉnh Sơn La	
78	Đường vào Tiểu khu 40	3,0	BTXM	Km78+262		Ngã 3 cùng mức			X				X		
79	Đường vào chợ trung tâm Nông Trường	3,0	BTXM		Km78+427	Ngã 3 cùng mức			X				X		
80	Đường vào bệnh viện đa khoa Tháo Nguyên	5,0	BTXM	Km78+473		Ngã 3 cùng mức			X				X		
81	Đường vào CHXD KM70	15,0	BTXM	Km78+567		Ngã 3 cùng mức			X				X		
82	Đường vào khu dân cư bệnh viện 2	4,5	BTXM		Km78+647	Ngã 3 cùng mức			X				X		
83	Đường vào khu dân cư bệnh viện 2	3,0	BTXM	Km78+792		Ngã 3 cùng mức			X				X		
84	Đường QH tiểu khu 3/2	3,5	BTXM	Km78+940		Ngã 4 cùng mức			X				X		
85	Đường vào Cty Dầu Tầm tơ Mộc Châu	3,5	BTXM		Km78+940					X				X	
Phạm vi nội thị thị trấn Nông Trường Mộc Châu															

Phạm vi nội thị trấn Nông Trường Mộc Châu

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Vị trí đầu nối tại				Tầm nhìn tại nút giao			Văn bản chủ trương/chấp thuận	Phạm vi
		B mặt (m)	KCMB	Trái	Phải		Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng			
86	Đường vào khu dân cư bệnh viện 2	5,0	Láng nhựa		Km78+963	Ngã 3 cùng mức			X				X		Phạm vi nội thị trấn Nông Trường Mộc Châu
87	Đường tiểu khu 77 và đường quy hoạch vào tiểu khu bệnh viện			Km79+038	Km79+038	Ngã 4 cùng mức			X				X		
88	Đường vào khu đô thị sinh thái kiểu mẫu Mộc Châu			Km79+803		Ngã 3 cùng mức			X				X		
89	Đường vào khu kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	7,0	BTXM	Km80+050		Ngã 3 cùng mức			X				X	Bộ GTVT thỏa thuận tại văn bản Số 2442/BGTVT-KCHT ngày 25/3/2021	
90	Đường vào tiểu khu nhà nghỉ	3,0	BTXM		Km80+123	Ngã 3 cùng mức			X				X		
91	Đường Lê Thanh Nghị	21	Láng nhựa	Km80+150		Ngã 3 cùng mức			X				X	Bộ GTVT thỏa thuận tại văn bản Số 7826/BGTVT-KCHT ngày 01/8/2022	
92	Đường vào cổng phụ khách sạn Mường Thanh	15	Láng nhựa	Km80+325		Ngã 3 cùng mức			X				X		
93	Đường vào khu dân cư	3,5	BTXM		Km80+376	Ngã 3 cùng mức			X				X		
94	Đường vào khu đô thị sinh thái kiểu mẫu Mộc Châu			Km80+429		Ngã 3 cùng mức			X				X	Đường định hướng theo quy hoạch chung đô thị Mộc Châu theo quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND tỉnh Sơn La	
	Đường đi Hà Nội	15	BTN	Km80+611		Ngã 3 cùng mức	X					10	X		
	Đường đi Sơn La	15	BTN		Km80+611	Ngã 3 cùng mức	X					12	X		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Phạm vi	
		B mặt (m)	KCMB	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao					
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng			
	Đoạn trùng với QL6														
95	Đường vào Tiểu khu 12			Km87+080		Ngã 3 cùng mức				X			X		Phạm vi nội thị trấn Mộc Châu
96	Đường vào Tiểu khu 11			Km87+200		Ngã 3 cùng mức				X			X		
97	Đường vào Tiểu khu 11			Km87+240		Ngã 3 cùng mức				X			X		
98	Đường vào bệnh viện Mộc Châu	7,0	BTN	Km87+285		Ngã 4 cùng mức				X		10	X		
99	Đường vào tượng đài Tây Tiến	5,0	BTN		Km87+285						X		10	X	
100	Đầu nối đường đai lộ nội thị	5,0	BTXM	Km87+993	Km87+993	Ngã 4 cùng mức				X			X		Huyện Mộc Châu
101	Đường vào bản Nà Bó	3,0	BTXM	Km88+800		Ngã 3 cùng mức				X			X		
102	Đường vào bản Nà Ngà 1	3,5	BTXM	Km89+816		Ngã 3 cùng mức				X			X		
103	Đường vào UBND xã Chiềng Khừa (QH DT.102)	5,0	Láng nhựa		Km90+200	Ngã 3 cùng mức	X					8	X		
104	Đường vào CHXD Mường Sang	20,0	BTXM		Km90+266	Ngã 3 cùng mức				X			X	Bộ GTVT thỏa thuận tại văn bản Số 5534/BGTVT-KCHT ngày 25/5/2017	Huyện Mộc Châu
105	Đường vào nhà máy gạch tuy nel 19-8	5,0	BTXM		Km91+270	Ngã 3 cùng mức				X			X		
106	Đường vào xóm bãi sậy	3,0	BTXM	Km91+550		Ngã 3 cùng mức				X			X		
107	Đường vào khu du lịch Thác Dải Yếm	4,0	Láng nhựa		Km93+265	Ngã 3 cùng mức				X			X		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Vị trí đầu nối tại				Tầm nhìn tại nút giao			Văn bản chủ trương/chấp thuận	Phạm vi
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng			
108	Đường vào bán văn hóa Thái Hưng	3,5	BTXM	Km94+180		Ngã 3 cùng mức			X				X		Huyện Mộc Châu
109	Đường vào hợp tác xã nông nghiệp An Phú	4,0	BTXM	Km95+830		Ngã 3 cùng mức			X				X		
110	Đường liên xã Lóng Sập - Chiềng Khừa				Km96+310	Ngã 3 cùng mức			X				X		
111	Đường vào bán To Láng	3,5	BTXM		Km97+975	Ngã 3 cùng mức			X				X		
112	Đường vào CHXD xã Chiềng Sơn			Km99+100		Ngã 3 cùng mức									
113	Đường vào điểm TĐC Mường Bó	5,0	Láng nhựa		Km99+560	Ngã 3 cùng mức	X				8		X		
114	Đường vào bán Pha Nhên				Km100+710	Ngã 3 cùng mức			X				X		
115	Đường tỉnh 102	5,0	Láng nhựa	Km100+800		Ngã 3 cùng mức			X		10		X		
116	Đường vào khu dân cư TK32	3,0	BTXM	Km102+392		Ngã 3 cùng mức			X				X		
117	Đường vào khu dân cư bán Bó	3,5	BTXM		Km106+988	Ngã 3 cùng mức			X				X		
118	Đường vào khu dân cư bán Có Cháy	3,0	BTXM		Km109+310	Ngã 3 cùng mức			X				X		
119	Đường vào CHXD công ty TNHH Thái Phương	20	BTXM	Km110+900		Ngã 3 cùng mức			X				X		
120	Đường vào đồn biên phòng Lóng Sập	7	BTXM		Km112+550	Ngã 3 cùng mức			X				X		
121	Đường vào bán Phiêng Cái	3	BTXM	Km114+685		Ngã 3 cùng mức			X				X		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối	Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ							Văn bản chủ trương/chấp thuận	Phạm vi	
						Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao						
		B mặt (m)	KCMD			Trái	Phải	Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bản kinh nút giao			Thông thoáng
122	Đường vào bản Pha Nhin	3	Đường đất		Km114+710	Ngã 3 cùng mức			X				X		Huyện Mộc Châu
123	Đường vào bản Phiêng Cài	3,5	Đường đất		Km116+400	Ngã 3 cùng mức			X				X		
124	Đường vào chi cục hải quan cửa Khẩu	5	BTXM		Km118+512	Ngã 3 cùng mức			X				X		
125	Đường vào trạm kiểm soát cửa Khẩu Lóng Sập	7	BTXM		Km118+600	Ngã 3 cùng mức			X				X		

PHỤ LỤC IX: BIỂU TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀO QL.279 ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú
		B mặt (m)	KCMĐ	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao				
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng		
1	Đường vào bản tái định cư Phiêng Mực II	3,5	BTXM	Km222+980		Ngã 3 cùng mức			X		10	X		Huyện Quỳnh Nhai
2	Đường vào bản Phiêng Mực II	3	BTXM		Km223+810	Ngã 3 cùng mức	X		X		12	X		
3	Đường vào bản Phiêng Mực	3,5	Láng Nhựa		Km226+750	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
4	Đường vào bản Bo Xanh	3	BTXM	Km227+800		Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
5	Đường nội bộ bản Bo Xanh	3	BTXM		Km229+095	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
6	Đường nội bộ bản Bo Xanh	3	BTXM	Km229+220		Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
7	Đường tỉnh 107	3,5	Láng Nhựa		Km230+300	Ngã 3 cùng mức	X				10	X		
8	Đường vào cây xăng Hải Vinh	20	BTXM	Km230+800		Ngã 3 cùng mức			X		17	X		
9	Đường nội bộ bản Cút	4,5	BTXM		Km232+760	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
10	Đường tỉnh 106	35	Láng Nhựa	Km234+170		Ngã 3 cùng mức			X		15	X		
11	Đường nội bộ bản Tầu Khúm	3	BTXM		Km238+630	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
12	Đường vào xã Pá Mả Pha Khinh-Mường Chiên- Cà Nàng	3,5	Láng Nhựa		Km241+550	Ngã 3 cùng mức			X		15	X		
13	Đường vào xã Chiềng Ôn	3,5	Láng Nhựa	Km242+315		Ngã 3 cùng mức	X				10	X		
14	Đường nội bộ bản Huổi Nả	3	BTXM	Km243+750		Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
15	Đường nội bộ bản Huổi Nả	3	BTXM		Km244+475	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
16	Đường xuống Sông Đà	4	Đường đất		Km248+005	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
17	Đường nội bộ bản Huổi Nả	3,5	BTXM		Km249+301	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ				Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú			
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao					
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất			Bán kính nút giao	Thông thoáng	
18	Đường vào khu du lịch sinh thái	4	BTXM	Km249+600		Ngã 3 cùng mức			X		10	X		Huyện Quỳnh Nai	
19	Đường vào khu du lịch sinh thái	4	Cấp Phối		Km250+700	Ngã 3 cùng mức			X		10	X			
20	Đường nội bộ bán Pá Uôn	4	Cấp Phối		Km252+330	Ngã 3 cùng mức			X		10	X			
21	Đường nội bộ bán Pá Uôn	3	BTXM	Km253+160		Ngã 3 cùng mức			X		10	X			
22	Đường vào cây xăng Nam Sơn	20	BTXM		Km254+130	Ngã 3 cùng mức			X		10	X			
23	Đường vào bán Pom Sinh	3,5	Láng Nhựa	Km256+500		Ngã 3 cùng mức			X		10	X			
24	DA CHXD Mường Giàng			Km258+100				X		X		X		Thị trấn Phiêng Lanh	
	QL.6B	7,5	Láng Nhựa	Km258+150		Ngã 3 cùng mức	X				15	X			
25	Đường nội bộ khu X - 8	3,5	BTXM	Km258+180		Ngã 3 cùng mức			X		10	X			
26	Đường nội bộ khu X - 8	3,5	BTXM	Km258+210		Ngã 3 cùng mức			X		10	X			
27	Đường nội bộ khu X - 8	3,5	BTXM	Km258+240		Ngã 3 cùng mức	X				15	X			
28	Đường nội bộ khu X - 8	3,5	BTXM	Km258+920		Ngã 3 cùng mức			X		10	X			
29	Đường nội bộ khu X - 8	3,5	BTXM	Km258+990		Ngã 3 cùng mức			X		10	X			
30	Đường nội bộ bán Hua Chai	3	BTXM		Km259+270	Ngã 3 cùng mức			X		10	X			
31	Đường đô thị số 5	3,5	Láng Nhựa	Km259+380		Ngã 3 cùng mức			X		20	X			
32	Đường nội bộ bán Hua Chai	3	BTXM		Km259+460	Ngã 3 cùng mức			X		10	X			
33	Đường nội bộ bán Hua Chai	3,5	BTXM		Km259+800	Ngã 3 cùng mức			X		10	X			
34	Đường đô thị số 21	9	Láng Nhựa	Km259+900		Ngã 3 cùng mức			X		20	X			

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao				
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng		
35	Đường nội bộ bản Dán Danh	3	BTXM		Km260+030	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		Thị trấn Phiêng Lanh
36	Đường nội bộ bản Dán Danh	3,5	BTXM		Km260+480	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
37	Đường nội bộ bản Dán Danh	3	BTXM		Km260+585	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
38	Đường vào xã Mường Giàng	3,5	Làng Nhựa		Km261+120	Ngã 3 cùng mức	X				12	X		
39	Đường nội bộ bản Mường Giàng	3	BTXM	Km261+395		Ngã 3 cùng mức			X		10	X		Huyện Quỳnh Nhai
40	Đường vào Mỏ đá Tuấn Cường	5	Cấp Phối		Km262+120	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
41	Đường vào bản Lồm Khiêu	3	BTXM		Km266+680	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
42	Đi Phồng Lái	3,5	Làng Nhựa	Km268+200		Ngã 3 cùng mức			X		12	X		

PHỤ LỤC X: BIỂU TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀO QL.279D ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú
		B mặt (m)	KCMB	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao				
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng		
1	Đường vào đập thủy điện Huổi Quàng	5	Đường đất		Km31+300	Ngã 3 cùng mức			X			X		
2	Đường vào nhà máy thủy điện Huổi Quàng	6	Láng Nhựa		Km34+360	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
3	Đại lý bán lẻ xăng dầu	8	BTXM		Km35+280	Ngã 3 cùng mức			X			X		
4	Đi bán Nà Léch	3	BTXM	Km35+470		Ngã 3 cùng mức			X			X		
5	Đi bán Nà Léch	3	BTXM	Km36+750		Ngã 3 cùng mức			X			X		
6	Đường vào khu dân cư bản Nhạp	3	BTXM		Km37+840	Ngã 3 cùng mức	X				10	X		
7	Đường vào khu dân cư bản Cun	3	BTXM		Km39+785	Ngã 3 cùng mức			X			X		
8	Đường vào Bản Phiêng Cải	3	BTXM	Km42+195		Ngã 3 cùng mức			X			X		
9	Đường vào cây xăng Hải Vinh	8	BTXM		Km43+520	Ngã 3 cùng mức			X		15	X		
10	Đường vào bản Tà Sài	3	BTXM		Km44+960	Ngã 3 cùng mức			X			X		
11	Đường vào bản Huổi Nà	3	BTXM	Km45+790		Ngã 3 cùng mức			X			X		
12	Đường vào điểm sắp xếp dân cư bản Tà Sài				Km47+730	Ngã 3 cùng mức	X					X		
13	Đường vào Hua Trai	4	Láng Nhựa	Km51+620		Ngã 3 cùng mức			X			X		
14	Đường vào bản Nà Lầy	3	BTXM		Km52+590	Ngã 3 cùng mức			X			X		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ					Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú	
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại							
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao			Thông thoáng
15	Đường vào bản Nà Láy	3	BTXM	Km52+850		Ngã 3 cùng mức			X			X		Huyện Mường La
16	Đường vào bản Mền	3	BTXM	Km54+550		Ngã 3 cùng mức			X			X		
17	Đường vào bản Mền	3	BTXM		Km54+670	Ngã 3 cùng mức			X			X		
18	Đường vào bản Ai Ngựa	3	BTXM	Km58+160		Ngã 3 cùng mức			X			X		
19	Đường vào trụ sở UBND xã Pì Toong, huyện Mường La	4	đường đất	Km60+674		Ngã 3 cùng mức			X			X		
20	Đường vào bản Là Thìa	3	BTXM		Km60+725	Ngã 3 cùng mức			X			X		
21	Đường vào bản Là Cài	3	BTXM		Km61+920	Ngã 3 cùng mức			X			X		
22	Đường vào bản Nà Bươm	3	BTXM	Km62+690		Ngã 3 cùng mức			X			X		
23	Đường vào bản Nà Bươm	3	BTXM		Km63+090	Ngã 3 cùng mức			X			X		
24	Đường vào UBND xã Ngọc Chiến	4	Láng Nhựa	Km64+615		Ngã 3 cùng mức	X				12	X		Phạm vi nội thị trấn Mường La
25	Đường vào Nà Nóc	3	BTXM	Km64+640		Ngã 3 cùng mức			X			X		
26	Đường vào Nà Nóc	3	BTXM	Km64+885		Ngã 3 cùng mức			X			X		
27	Đường vào Nà Nóc	3	BTXM	Km64+985		Ngã 3 cùng mức			X		8	X		
28	Đường vào bản Nong Heo	3	BTXM		Km65+390	Ngã 3 cùng mức			X			X		
29	Đường vào cây xăng số 23 Mường La	23	BTXM		Km65+665	Ngã 3 cùng mức			X		15	X		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao				
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng		
30	Đường vào bản Ten	3	BTXM		Km65+790	Ngã 3 cùng mức			X			X		
31	Đường vào bản Song Ho	3	BTXM	Km65+920		Ngã 3 cùng mức			X				X	
32	Đường vào bản Chiềng Tè	4	BTXM	Km66+090		Ngã 3 cùng mức			X				X	
33	Đường vào bản Chiềng Tè	3	BTXM	Km66+140		Ngã 3 cùng mức			X				X	
34	Đường vào bản Chiềng Tè	3	BTXM	Km66+250		Ngã 3 cùng mức			X				X	
35	Đường vào tiểu khu 1	3	BTXM		Km66+380	Ngã 3 cùng mức			X				X	
36	Đường vào tiểu khu 1	3	BTXM	Km66+391		Ngã 3 cùng mức			X		10		X	
37	Đường vào tiểu khu 1	3	BTXM		Km66+500	Ngã 3 cùng mức			X				X	
38	Đường vào tiểu khu 1	3	BTXM	Km66+510		Ngã 3 cùng mức			X				X	
39	Đường vào tiểu khu 1	3	BTXM	Km66+590		Ngã 3 cùng mức			X				X	
40	Đường vào đường Lò Văn Giã	5	Láng Nhựa	Km66+780		Ngã 3 cùng mức			X				X	
41	Đường đò thị huyện Mường La	15	Láng Nhựa		Km66+983	Ngã 3 cùng mức			X				X	
42	Đường vào khu quảng trường huyện Mường La				Km67+000	Ngã 3 cùng mức			X				X	
43	Đường vào tiểu khu 12	3	BTXM	Km67+095		Ngã 3 cùng mức			X				X	
44	Đường vào khu di tích Đồn Póm Pát	3	BTXM		Km67+155	Ngã 3 cùng mức			X					

Phạm vi nội thị thị trấn Mường La

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú
		B mặt (m)	KCMB	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại							
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng		
45	Đường vào tiểu khu 4 (đi khu vực quảng trường)	3	BTXM		Km67+180	Ngã 3 cùng mức			X				X	Phạm vi nội thị trấn Mường La
46	Đường vào tiểu khu 2	3	BTXM	Km67+220		Ngã 3 cùng mức			X				X	
47	Đường vào tiểu khu 2	3	BTXM	Km67+300		Ngã 3 cùng mức			X				X	
48	Đường vào tiểu khu 4	3	BTXM	Km67+700		Ngã 3 cùng mức			X				X	
49	Đường vào tiểu khu 4	4	BTXM	Km67+780		Ngã 3 cùng mức			X				X	
50	Đường vào cửa hàng xăng dầu Mường La	15	BTXM		Km67+820	Ngã 3 cùng mức			X		10		X	
51	Đường vào tiểu khu 4	3	BTXM		Km67+890	Ngã 3 cùng mức			X				X	
52	Đường vào tiểu khu 5	3	BTXM	Km68+015		Ngã 3 cùng mức			X				X	
53	Đường vào tiểu khu 5	4	BTXM	Km68+130		Ngã 3 cùng mức			X				X	
54	Đường vào tiểu khu 5	3	BTXM		Km68+200	Ngã 3 cùng mức			X				X	
55	Đường vào cây xăng số 3	15	BTXM	Km68+230		Ngã 3 cùng mức			X				X	
56	Đường vào tiểu khu 5	3	BTXM		Km68+280	Ngã 3 cùng mức			X				X	
57	Đường vào đập thủy điện Sơn La	6	Láng nhựa		Km68+400	Ngã 3 cùng mức			X		10		X	
58	Đường vào cây xăng số 25	25	BTXM		Km69+050	Ngã 3 cùng mức			X				X	
59	Đường vào tiểu khu 5	3	BTXM	Km69+100		Ngã 3 cùng mức			X				X	

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú	
							Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao					
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng			
60	Đường vào bản Tin	4	BTXM	Km69+440		Ngã 3 cùng mức			X		10	X		Phạm vi nội thị thị trấn Mường La	Huyện Mường La
61	Đường vào DT.111	6	Láng nhựa	Km69+900		Ngã 3 cùng mức	X				12	X			
62	Đường vào tập thể cán bộ thủy điện	5	BTXM		Km70+150	Ngã 3 cùng mức			X			X			
63	Đường vào DT.111	6	Láng nhựa	Km70+630		Ngã 3 cùng mức			X		15	X			
64	Đường vào nhà máy Thủy Điện	6	Láng nhựa		Km70+630	Ngã 3 cùng mức			X		15	X			
65	Đường vào UBND xã Nậm ét	6	Láng nhựa		Km71+300	Ngã 3 cùng mức	X				10	X			
66	Đường vào bản Pó Tông	3	BTXM		Km72+780	Ngã 3 cùng mức			X			X			
67	Đường vào cây xăng số 17	30	BTXM	Km73+520		Ngã 3 cùng mức	X				10	X			
68	Đường vào bản Tạ Bú	3	BTXM		Km75+150	Ngã 3 cùng mức			X			X			
69	Đường vào bản Tạ Bú	3	BTXM	Km75+180		Ngã 3 cùng mức			X			X			
70	Đường vào UBND xã Tạ Bú	4	Láng nhựa	Km78+370		Ngã 3 cùng mức	X				10	X		Huyện Mường La	
71	Đường vào bản Mòn	4	BTXM		Km78+790	Ngã 3 cùng mức			X			X			
72	Đường vào bản Huổi Săn	4	Láng nhựa		Km82+300	Ngã 3 cùng mức			X			X			
73	Đường vào UBND xã Mường Chùm	6	Láng nhựa	Km82+600		Ngã 3 cùng mức			X		15	X			
74	Đường vào bản Huổi Săn	3	BTXM		Km83+495	Ngã 3 cùng mức			X			X			

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nổi		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nổi vào quốc lộ					Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú	
		B mặt (m)	KCMB	Trái	Phải		Vị trí đầu nổi tại							
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao			Thông thoáng
75	Đường vào cây xăng số 15	1,5	BTXM	Km84+120		Ngã 3 cùng mức			X		15	X	Huyện Mường La	
76	Đường vào bản Gián	3	BTXM	Km85+230		Ngã 3 cùng mức			X			X		
77	Đường vào thủy điện Nà Si	4	BTXM	Km87+200		Ngã 3 cùng mức			X			X		
78	Đường vào nhà máy Thủy Điện Nậm La	4	Láng nhựa		Km90+275	Ngã 3 cùng mức			X		8	X		
79	Đường vào khu chế biến nông sản	3	BTXM	Km94+310		Ngã 3 cùng mức			X			X	Thành Phố Sơn La	
80	Đường vào bản Sáng	3	BTXM		Km95+020	Ngã 3 cùng mức			X		10	X		
81	Đường vào bản Sáng	3	BTXM		Km95+075	Ngã 3 cùng mức			X			X		
82	Đường vào bản Phiêng Hay	3	BTXM		Km95+550	Ngã 3 cùng mức			X			X		
83	Đường vào bản Phiêng Hay	3	BTXM		Km95+680	Ngã 3 cùng mức			X		8	X		
84	Đường vào bản Phiêng Hay	3	BTXM	Km95+785		Ngã 3 cùng mức			X			X		
85	Đường vào bản Ái	3	BTXM		Km96+615	Ngã 3 cùng mức			X			X		
86	Đường vào bản Ái	3	BTXM		Km96+918	Ngã 3 cùng mức			X			X		
87	Đường vào bản Ái	3	BTXM	Km97+020		Ngã 3 cùng mức			X			X		
88	Đường vào bản Ái	3	BTXM		Km97+020	Ngã 3 cùng mức			X		8	X		
89	Đường vào bản Là	3	BTXM	Km97+925		Ngã 3 cùng mức			X			X		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú	
		B mặt (m)	KCMĐ	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao					
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng			
90	Đường vào bản Hùm	3	BTXM	Km98+680		Ngã 3 cùng mức			X				X		Thành Phố Sơn La
91	Đường vào bản Panh Mong	4	BTXM		Km99+860	Ngã 3 cùng mức			X				X		
92	Đường vào cây xăng xã Chiềng Xôm	18	BTXM	Km99+960		Ngã 3 cùng mức			X				X		
93	Đường vào bản Tông	4	Láng Nhựa	Km100+120		Ngã 3 cùng mức			X		10		X		
94	Đường vào bản Phiêng Ngựa	3	BTXM		Km100+630	Ngã 3 cùng mức			X				X		Phạm vi nội thị Thành phố Sơn La
95	Đường vào bản Phiêng Ngựa	3	BTXM		Km100+815	Ngã 3 cùng mức			X				X		
96	Đường vào bản Cá	3	BTXM		Km101+915	Ngã 3 cùng mức			X				X		
97	Đường vào bản Cá	3	BTXM	Km101+985		Ngã 3 cùng mức			X				X		
98	Đường vào cây xăng thành phố	20	BTXM	Km102+170		Ngã 3 cùng mức			X		15		X		
99	Đường vào trại cá	3	BTXM	Km102+230		Ngã 3 cùng mức			X				X		
100	Đường vào Tổ 6	3	BTXM		Km102+230	Ngã 3 cùng mức			X				X		
101	Đường vào Tổ 6	3	BTXM	Km102+340		Ngã 3 cùng mức			X				X		
102	Đường vào Tổ 6	3	BTXM		Km102+340	Ngã 3 cùng mức			X				X		
103	Đầu nối đường vào dự án: Khi đó thị số 1, phường Chiềng An	8	BTN	Km102+675		Ngã 3 cùng mức			X				X		
104	Đường vào bệnh xá công an tỉnh	3	BTXM		Km102+680	Ngã 3 cùng mức			X				X		

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú
		B mặt (m)	KCMB	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao				
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng		
105	Đường vào tổ 5	3	BTXM		Km102+700	Ngã 3 cùng mức			X				X	Phạm vi nội thị Thành phố Sơn La
106	Đường vào tổ 5	3	BTXM		Km102+800	Ngã 3 cùng mức			X				X	
107	Đường vào tổ 5	3	BTXM		Km102+850	Ngã 3 cùng mức			X				X	
108	Đường vào tổ 5	3	BTXM	Km102+880		Ngã 3 cùng mức			X				X	
109	Đường vào tổ 5	3	BTXM	Km103+110		Ngã 3 cùng mức			X				X	
110	Đường vào tổ 4	3	BTXM		Km103+192	Ngã 3 cùng mức			X				X	
111	Đường vào bán Cọ	20	BTXM	Km103+400		Ngã 3 cùng mức	X					10	X	
112	Đường vào tổ 4	3	BTXM		Km103+500	Ngã 3 cùng mức			X				X	
113	Đường vào tổ 3	3	BTXM	Km103+590		Ngã 3 cùng mức			X				X	
114	Đường vào tổ 3	3	BTXM	Km103+625		Ngã 3 cùng mức			X				X	
115	Đường vào tổ 3	3	BTXM		Km103+625	Ngã 3 cùng mức			X				X	
116	Đường vào tổ 3	3	BTXM		Km103+690	Ngã 3 cùng mức			X				X	
117	Đường vào tổ 2	3	BTXM		Km103+735	Ngã 3 cùng mức			X				X	
118	Đường vào tổ 2	3	BTXM		Km103+825	Ngã 3 cùng mức			X				X	
119	Đường vào tổ 2	3	BTXM	Km103+855		Ngã 3 cùng mức			X				X	

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú
		B mặt (m)	KCMB	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao				
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng		
120	Đường vào tổ 2	3	BTXM		Km103+890	Ngã 3 cùng mức			X			X		
121	Đường vào UBND thành phố	15	Làng Nhựa		Km104+015	Ngã 3 cùng mức	X				10	X		
122	Đường vào khu dân cư	3	BTXM		Km104+025	Ngã 3 cùng mức			X			X		
123	Đường vào khu dân cư kè suối Nậm La	5	Làng Nhựa	Km104+178		Ngã 3 cùng mức			X			X		
124	Đường vào khu dân cư kè suối Nậm La	5	Làng Nhựa		Km104+178	Ngã 3 cùng mức			X			X		
125	Đường vào khu dân cư kè suối Nậm La	5	Làng Nhựa	Km104+225		Ngã 3 cùng mức			X			X		
126	Đường vào khu dân cư kè suối Nậm La	5	Làng Nhựa		Km104+225	Ngã 3 cùng mức			X			X		
127	Đường vào cây xăng số 12	20	BTXM	Km104+250		Ngã 3 cùng mức			X		15	X		
128	Đường vào tổ 12	20	BTXM	Km104+350		Ngã 3 cùng mức			X			X		
129	Đường vào tổ 12	7	Làng Nhựa	Km104+400		Ngã 3 cùng mức			X			X		
130	Đường vào tổ 12	3	BTXM		Km104+400	Ngã 3 cùng mức			X			X		
131	Đường vào tổ 12	3	BTXM		Km104+500	Ngã 3 cùng mức			X			X		
132	Đường vào tổ 12	3	BTXM	Km104+550		Ngã 3 cùng mức			X			X		
133	Đường vào tổ 12	3	BTXM		Km104+550	Ngã 3 cùng mức			X			X		
134	Đường vào tổ 11	3	BTXM		Km104+620	Ngã 3 cùng mức			X			X		
Phạm vi nội thị Thành phố Sơn La														

TT	Tên đường nhánh	Hiện trạng đường nhánh		Lý trình vị trí điểm đầu nối		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Ghi chú
		B mặt (m)	KCMD	Trái	Phải		Vị trí đầu nối tại							
							Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Bán kính nút giao	Thông thoáng		
135	Đường vào tổ 11	3	BTXM	Km104+650		Ngã 3 cùng mức			X				X	Phạm vi nội thị Thành phố Sơn La
136	Đường vào tổ 11	6	Láng Nhựa		Km104+690	Ngã 3 cùng mức			X				X	
137	Đường vào Sở GD	7	Láng Nhựa	Km104+800		Ngã 3 cùng mức			X				X	
138	Đường vào bản Hẹ	4	BTXM	Km104+850		Ngã 3 cùng mức			X				X	
139	Đường vào tổ 2 Tô Hiệu	4	BTXM	Km105+100		Ngã 3 cùng mức			X				X	
140	Đường vào tổ 2 Tô Hiệu	5	Láng Nhựa		Km105+112	Ngã 3 cùng mức			X				X	
141	Đường vào tổ 2 Tô Hiệu	4	Cấp Phối		Km105+613	Ngã 3 cùng mức			X				X	
142	Đường vào chợ 308	4	Láng Nhựa	Km105+680		Ngã 3 cùng mức			X				X	
143	Đường Nguyễn Lương Bằng	8	Láng Nhựa	Km105+750		Ngã 3 cùng mức			X				X	
144	Đường QL.6	10	Láng Nhựa		Km105+750	Ngã 3 cùng mức			X				X	

Phạm vi nội thị Thành phố Sơn La

PHỤ LỤC SỐ XI: TỌNG HỢP VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ CHƯA ĐÀN BẢO KHOẢNG CÁCH ĐỀ XUẤT XIN Ý KIẾN BỘ GTVT

TT	Tên đường nhánh	Hướng đi Hòa Bình - Sơn La			Hiện trạng đường nhánh		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ					Văn bản chủ trương/chấp thuận	Phân loại đường	Ghi chú	
		Lý trình hiện trạng	Rẽ trái	Rẽ phải	B mặt (m)	KCMB		Vị trí đầu nối tại								
								Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng				Bán kính nút giao
I																
QL.6																
1	Điểm quy hoạch đầu nối đường giao thông từ TK.26-3 xã Cò nòi đến TK.10 xã Hát Lót huyện Mai Sơn với QL6	Km263+600		RP	2,50	BTXM	Ngã 3 cùng mức			x		x	Được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 19/10/2021; phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 2841/QĐ-UBND Sơn La ngày 19/11/2021	Đường quy hoạch	Huyện Mai Sơn	
2	Đi khu đô thị mới Cò Nòi (QH)	Km264+780	RT	RP	3,50	Cấp phối	Ngã 4 cùng mức			x		x	Được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 23/6/2019; phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3043/QĐ-UBND ngày 25/12/2019; Chấp thuận chủ trương đầu tư tại Công văn số 191/UBND-KT ngày 31/01/2020	Đường quy hoạch		
3	Đi khu đô thị mới Cò Nòi(QH)	Km265+115	RT	RP			Ngã 4 cùng mức			x		x	Được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 23/6/2019; phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3043/QĐ-UBND ngày 25/12/2019; Chấp thuận chủ trương đầu tư tại Công văn số 191/UBND-KT ngày 31/01/2020	Đường quy hoạch		
4	Khu quy hoạch đô thị TK8, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn	Km276+680	RT				Ngã 3 cùng mức			x		x	Nằm trong Quy hoạch chung đô thị Hát Lót được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	Đường quy hoạch		
5	Điểm quy hoạch đầu nối đường giao thông từ TK.26/3, xã Cò Nòi đến TK.10 xã Hát Lót huyện Mai sơn với QL6	Km280+690	RT		6,00	BT nhựa	Ngã 3 cùng mức	x			x		Được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 19/10/2021; phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 2841/QĐ-UBND Sơn La ngày 19/11/2021	Đường quy hoạch		
6	Đường vào dự án dịch vụ thương mại Hồng Tiến	Km289+550	RT				Ngã 3 cùng mức			x		x	Quyết định số 3177/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch		
II																
QL.4G																
1	Đường QH thị trấn Chiềng Khương	Km55+750	RT		31		Ngã 4 cùng mức			x	x	17	Số 3081/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	Huyện Sông Mã	
2	Đường QH thị trấn Chiềng Khương (đường sang cửa khẩu)	Km56+670	RT		27		Ngã 3 cùng mức			x		27	Số 3081/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	Thị trấn Chiềng Khương	
3	Đường QH thị trấn Chiềng Khương	Km58+770	RT		27		Ngã 3 cùng mức			x		17	Số 3081/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch		
III																
QL.37																
1	Khu dân cư mới Huy Hà	Km382+640		RP			Ngã 3 cùng mức			x		x	QB số 2037/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND huyện Phù Yên	Đường quy hoạch	Huyện Phù Yên	
2	Khu dân cư mới Huy Hà	Km382+950		RP			Ngã 3 cùng mức			x		x	QB số 2037/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND huyện Phù Yên	Đường quy hoạch		
3	Khu dân cư mới Huy Hà	Km383+045		RP			Ngã 3 cùng mức			x		x	QB số 2037/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND huyện Phù Yên	Đường quy hoạch		

TT	Tên đường nhánh	Hướng đi Hòa Bình - Sơn La			Hiện trạng đường nhánh		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ					Văn bản chủ trương/chấp thuận	Phân loại đường	Ghi chú		
		Lý trình hiện trạng	Rẽ trái	Rẽ phải	B mặt (m)	KCMB		Vị trí đầu nối tại									
								Lạng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng				Bán kính nút giao	
IV	QL.43																
1	Đầu nối vào công viên thung lũng hoa Rừng	Km68+337	RT					Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	Huyện Mộc Châu
2	Đầu nối vào khu dân cư hiện trạng 2.10	Km68+621	RT					Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
3	Đầu nối vào khu dân cư hiện trạng 2.10	Km68+628		RP				Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
4	Đầu nối vào khu du lịch 2.4	Km68+846	RT					Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
5	Đầu nối vào khu du lịch 2.4 và khu biệt thự & sân golf public 2.2.3	Km69+033	RT	RP				Nút giao ngã 4 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
6	Đầu nối vào khu du lịch 2.4	Km69+280	RT					Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
7	Đầu nối vào khu du lịch 2.4	Km69+404	RT					Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
8	Đầu nối vào khu dân cư dịch vụ 2.5	Km69+537	RT					Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
9	Đầu nối vào khu dân cư dịch vụ sân golf 2.3	Km69+623		RP				Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
10	Đầu nối vào đường gom cao tốc	Km69+696	RT	RP				Nút giao ngã 4 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
11	Đầu nối vào đường gom cao tốc	Km69+918	RT	RP				Nút giao ngã 4 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
12	Đầu nối vào khu dân cư dịch vụ cửa ngõ 2.1 và khu dân cư hiện trạng tái tạo & khu tái định cư 1.3	Km70+172	RT	RP				Nút giao ngã 4 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
13	Đầu nối vào khu dân cư dịch vụ cửa ngõ 2.1	Km70+452	RT					Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
14	Đầu nối vào khu dân cư dịch vụ cửa ngõ 2.1	Km70+660	RT					Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	

TT	Tên đường nhánh	Hướng đi Hòa Bình - Sơn La			Hiện trạng đường nhánh		Hình thức giao cắt	Yếu tố kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ						Văn bản chủ trương/chấp thuận	Phân loại đường	Ghi chú
		Lý trình hiện trạng	Rẽ trái	Rẽ phải	B mặt (m)	KCMB		Vị trí đầu nối tại			Tầm nhìn tại nút giao					
								Lưng đường cong	Bụng đường cong	Trên đường thẳng	Che khuất	Thông thoáng	Bán kính nút giao			
15	Đầu nối vào đường gom cao tốc và khu phố mới & biệt thự sinh thái 1.2	Km70+988	RT	RP			Nút giao ngã 4 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	Huyện Mộc Châu
16	Đầu nối vào khu dân cư hiện trạng cải tạo & khu tái định cư 1,3	Km71+419		RP			Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
17	Đầu nối vào khu đô thị đồi chè 1.1	Km71+509		RP			Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
18	Đầu nối vào khu dân cư hiện trạng cải tạo ven QL.43 6,4	Km71+772		RP			Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
19	Đầu nối vào khu dân cư hiện trạng cải tạo ven QL.43 6,4	Km72+484		RP			Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
20	Đầu nối vào khu dân cư hiện trạng cải tạo ven QL.43 6,4; khu phố mới & biệt thự sinh thái 1.2 và khu đô thị đồi chè 1,1	Km72+688		RP			Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
21	Đầu nối vào khu đô thị đồi chè 1,1; khu dân cư lân cận trung tâm du lịch trọng điểm 4,0	Km72+894	RT	RP			Nút giao ngã 4 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
22	Đầu nối vào khu đô thị đồi chè 1.1	Km73+255		RP			Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 730/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
23	Đầu nối vào khu dân cư hiện trạng, đồi chè	Km73+763		RP			Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 2031/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
24	Đầu nối vào khu dân cư hiện trạng	Km74+210	RT				Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 2031/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
25	Đầu nối vào khu dân cư hiện trạng	Km75+037	RT	RP			Nút giao ngã 4 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 2031/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
26	Đầu nối vào khu dân cư hiện trạng	Km75+178	RT				Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 2031/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
27	Đầu nối vào khu dân cư hiện trạng TK66	Km75+346	RT	RP			Nút giao ngã 4 cùng mức			X			X	Đường định hướng theo quy hoạch phân khu quyết định 2031/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Đường quy hoạch	
V	QL.279D															
1	Đường giao thông đi xã Mường Chím (huyện Mường La) - xã Chiềng Sung (huyện Mai Sơn)	Km84+220	RT				Nút giao ngã 3 cùng mức			X			X	Được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	Đường xã	Huyện Mường La